

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 26/5/2023

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi
con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

2/. Bà Đặng Thị Phương Quyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tiểu Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 26 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 81/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2023 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2023/QĐST-HNGĐ ngày 16/5/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1979(xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Võ Đình Tr, sinh năm 1974 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp 5A, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày:

Tôi và anh Võ Đình Tr do mai mối nên quen biết nhau, tổ chức lễ cưới vào năm 1998, có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 152, quyền số 1 ngày 31/12/2003 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Sau khi cưới nhau vợ chồng tôi chung sống với nhau tại nhà riêng và đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp 5A, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng tôi chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tôi phát hiện anh Trquen với người phụ nữ khác, lúc đó tôi có nói chuyện này với anh Tr nhưng anh Tr không thừa nhận. Sau đó anh Tr sống chung với người phụ nữ này tới nay. Ngoài ra anh Tr còn thường xuyên nhậu say về chửi bới tôi. Tôi và anh Tr thường xuyên cãi nhau, gia đình và địa phương có tiến hành hòa giải nhưng không có kết quả. Chúng tôi đã ly thân từ năm 2016 đến nay và không còn liên lạc với nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn với anh Tr.

Về con chung: Có 02 con chung là Võ Thị Thuý D, sinh ngày 23/12/1998 và cháu Võ Ngọc Thuý V, sinh ngày 22/8/2015. Võ Thị Thuý D hiện nay đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Võ Ngọc Thuý V do từ lúc vợ chồng ly thân đến nay tôi là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu V, tôi không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Võ Đình Tr đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Võ Đình Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến dự phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt, chị H có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Tr, chị H.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét thấy, theo đơn khởi kiện, chị H yêu cầu được ly hôn với anh Tr và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Chị H, anh Tr có đăng ký kết hôn hợp pháp nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Tr có hộ khẩu thường trú tại xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị H, anh Tr kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 152, quyển số 1 ngày 31/12/2003 nên quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Chị H trình bày mâu thuẫn gia đình giữa chị và anh Tr là do anh Tr quen với người phụ nữ khác và sống chung với người phụ nữ này tới nay. Ngoài ra anh

Tr còn thường xuyên nhậu say về chửi bới chị H. Chị và anh Tr thường xuyên cãi nhau và anh, chị đã ly thân từ năm 2016 đến nay, không còn liên lạc với nhau.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án chị H giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Tr. Anh Tr mặc dù đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì về nội dung vụ án và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng. Chị H và anh Tr đã ly thân từ năm 2016 đến nay, từ khi ly thân đến nay anh chị cũng không còn liên lạc với nhau và cũng không có giải pháp nào nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ chị H và anh Tr đã không còn tha thiết với cuộc sống vợ chồng, mâu thuẫn gia đình đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, chị H và anh Tr có 02 con chung là cháu Võ Thị Thuý D, sinh ngày 23/12/1998 và cháu Võ Ngọc Thuý V, sinh ngày 22/8/2015. Cháu Võ Thị Thuý D hiện nay đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, từ khi chị H và anh Tr sống ly thân đến nay, chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu V và tại bản tự khai ngày 03/4/2023 cháu V cũng có nguyện vọng mong muốn được sống chung với chị H. Do đó để đảm bảo môi trường sống và học tập ổn định của cháu V, cần tiếp tục giao cháu V cho chị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung và tài sản chung: Chị H và anh Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh H.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn với anh Võ Đình Tr.

Về con chung: Giao cháu Võ Ngọc Thuý V, sinh ngày 22/8/2015 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Tr chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị H chưa yêu cầu.

Anh Tr có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu số 0017254 ngày 24/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang nên chị H đã thi hành xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị H, anh Tr có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Giang